| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẮC GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **61**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2017
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Trần Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Ông Nguyễn Văn Bảng.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện VKSND Thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2017/TLST - HNGĐ ngày 31/5/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: S31, T4, phường M, thành phố B, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Anh Lưu Xuân T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: S31, T4, phường M, thành phố B, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày:*

Chị kết hôn với anh Lưu Xuân T vào năm 2011, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh B. Sau khi cưới hỏi, vợ chồng chung sống với nhau ngay cùng với gia đình anh Tùng tại S31, T4, phường M, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2015, thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên cãi nhau. Sau đó, chị cùng hai con nhỏ đã về nhà mẹ đẻ ở được khoảng ba tháng, nhưng do thương con nên chị đã quay trở lại tiếp tục chung sống cùng anh Tùng. Tuy

nhiên, cuộc sống của vợ chồng vẫn căng thẳng như trước, anh Tùng thường xuyên chửi bới, đe dọa không cho chị đi làm. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tùng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tùng.

- Về con chung: Chị và anh Tùng có 02 con chung là Lưu Quỳnh T, sinh ngày 13/10/2011 và Lưu Trung H, sinh ngày 10/8/2014. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị đang ở nhà nuôi con, anh Tùng đe dọa không cho chị đi làm nên chị chưa đi làm ở đâu.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Xuân T trình bày:*

Anh và chị Trịnh Thị H kết hôn năm 2011, đăng ký tại UBND phường M, thành phố B. Anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay cùng gia đình nhà anh tại phường M, thành phố B, tỉnh B. Anh xác định cuộc sống chung vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do thời gian gần đây, chị Hồng có đòi đi làm, thì anh không đồng ý cho đi làm vì con còn bé nên rất cần chị Hồng ở nhà chăm con. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, vợ chồng hay tranh luận, to tiếng với nhau. Hiện tại, vợ chồng và các con vẫn chung sống cùng với gia đình anh tại phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Hồng. Chị Hồng yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Trường hợp chị Hồng quyết tâm ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lưu Quỳnh T sinh ngày 13/10/2011 và Lưu Trung H sinh ngày 10/8/2014. Nếu ly hôn, thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Hồng cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang là tài xế chạy taxi cho Công ty S. Thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2017, ông Ngô Thế Hùng là tổ trưởng tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B, tỉnh B cung cấp:*

Chị Hồng và anh Tùng là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Tùng tại tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, anh Tùng làm ăn thua lỗ, làm thất thoát tài sản của vợ chồng. Từ đó, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không còn được như

trước. Hiện tại, chị Hồng đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang ở. Ngoài ra, ông còn cho biết thêm, anh Tùng hiện không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập như thế nào thì ông không biết rõ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/7/2017 nhưng các bên không thể thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/7/2017 và ngày 04/8/2017, nhưng anh Tùng đều vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Lưu Xuân T.

+ Về con chung: Giao cho chị Hồng trực tiếp nuôi con chung là Lưu Trung H, sinh ngày 10/8/2014. Giao cho anh Tùng trực tiếp nuôi Lưu Quỳnh T, sinh ngày 13/10/2011. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

+ Về án phí: Chị Hồng phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồng thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]** Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị H và anh Lưu Xuân T kết hôn ngày 08/4/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh B được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là về vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Mặc dù, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng tuy vẫn chung sống với nhau nhưng chị Hồng đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở và việc chị quay về tiếp tục chung sống với anh Tùng là vì

thương con. Tuy anh Tùng không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Hồng được ly hôn anh Tùng.

**[3]** Về con chung: Chị Hồng và anh Tùng có hai con chung là Lưu Quỳnh T sinh ngày 13/10/2011 và Lưu Trung H sinh ngày 10/8/2014. Ly hôn chị Hồng và anh Tùng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị Hồng và anh Tùng thì thấy đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Nay, chị Hồng muốn được trực tiếp nuôi một con chung là hoàn toàn phù hợp. Cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một con chung, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị Hồng, anh Tùng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị Hồng, anh Tùng thực hiện quyền này.

**[4]** Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hồng và anh Tùng đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[6]** Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ  khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147;  Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Lưu Xuân T.

**2.** Về con chung: Giao con chung Lưu Trung H sinh ngày 10/8/2014 cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lưu Quỳnh T sinh ngày 13/10/2011 cho anh Tùng trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Hồng, anh Tùng tự thỏa thuận.

Chị Hồng, anh Tùng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị Hồng, anh Tùng thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số AA/2012/06244 ngày 31/3/2017. Xác nhận chị Trịnh Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP. Bắc Giang.
- CCTHADS TP. Bắc Giang ;
- UBND phường Mỹ Độ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(đã ký)**

**Nguyễn Trần Kiên**

| **HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
|---|---|
| **Nguyễn Văn Tư – Nguyễn Văn Bảng** | **Nguyễn Trần Kiên** |